UBND TỈNH KHÁNH HÒA **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /QĐ-KKT	*Khánh Hòa, ngày 07 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 24/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng cơ quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- KBNN tỉnh (VBĐT);
- Lưu: VT, VP, PTTV,04.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG T. KHÁNH HÒA

Lê Hồng Phương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KKT ngày /01/2025 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	**Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí**	**66**
1	Số thu phí, lệ phí	66
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	60
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	6
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**8.474**
I	**Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong (Mã ĐVQHNS: 1010362)**	**8.453,2**
1	**Quản lý hành chính (Chương 505, Loại 340)**	**7.463,2**
1.1	***Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13, khoản 341)***	***4.877***
-	Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	3.344
-	Kinh phí tiền lương của HĐLĐ	272
-	Kinh phí hoạt động theo định mức	1.261
1.2	***Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 13, khoản 341)***	***1.908***
-	Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	140
-	Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	696
-	Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.072
1.3	***Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12, Khoản 341)***	***347,2***
-	Bổ sung chế độ lễ, Tết Nguyên đán	44,2
-	Kinh phí xúc tiến đầu tư	180
-	Nhuận bút, thù lao đăng trên trang thông tin điện tử của Ban	20
-	Kinh phí thuê đặt máy chủ	21
-	Kinh phí tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp tỉnh	33
-	Kinh phí tiếp công dân	27
-	Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND	22
1.4	***Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 18, Khoản 341)***	***331***
-	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	331
2	**Các hoạt động kinh tế (Chương 505, Loại 280)**	**990**
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12, khoản 338)	***990***
-	Kinh phí duy tu bảo dưỡng các tuyến đường	990

STT	Nội dung	Tổng số
II	**Ban Quản lý dự án hạ tầng Khu kinh tế và Khu công nghiệp (Mã ĐVQHNS: 3026594)**	**20,8**
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12, khoản 341)	***20,8***
-	Bổ sung chế độ lễ, Tết Nguyên đán	20,8